

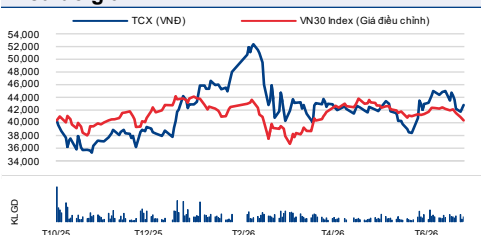
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ52,900
Tiềm năng tăng/giảm: 23.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (15/7/2026)	42,800
Mã Bloomberg	TCX VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	35,301-52,375
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	42,167
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	118,723
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	4,522
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,774
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	2,774
Slg CP NN được mua (tr.đv)	2,507
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	9.70%
Tỷ lệ freefloat	10.5%
Cổ đông lớn	Techcombank (79.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
Tổng tài sản (tỷ đồng)	80,632	96,065	115,524
Cho vay ký quỹ (tỷ đồng)	43,860	50,493	65,372
Doanh thu HĐ (tỷ đồng)	11,217	13,262	16,697
Lợi nhuận thuần (tỷ đồng)	5,683	6,439	8,261
BVPS (đồng)	15,900	17,803	20,185
EPS (đồng)	2,261	2,321	2,978
DPS (đồng)	500	500	750
T.trưởng tổng tài sản (%)	51.4	19.1	20.3
T.trưởng c.vay KQ (%)	69.3	15.1	29.5
T.trưởng DT HĐ (%)	47.3	18.2	25.9
Tăng trưởng EPS (%)	38.2	2.66	28.3
Tăng trưởng DPS (%)	(18.0)	(0.03)	50.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	22.1	21.5	25.2
ROAE (%)	16.1	13.8	15.7
ROAA (%)	8.49	7.29	7.81
Tỷ lệ CIR (%)	16.7	14.0	14.1
Lãi suất cho vay BQ (%)	0.11	0.12	0.11
Vòng quay tổng TS (%)	16.8	15.0	15.8
Đòn bẩy vốn (%)	183	195	206
Thị phần môi giới CP (%)	8.00	9.09	10.1
P/E (lần)	18.9	18.4	14.4
P/B (lần)	2.69	2.40	2.12
Lợi suất cổ tức (%)	1.17	1.17	1.75

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

TCX là một công ty chứng khoán vận hành hiệu quả cao, định hướng công nghệ và theo mô hình WealthTech. Công ty nắm giữ thị phần vượt trội trong mảng tư vấn trái phiếu doanh nghiệp và nằm trong top 3 về môi giới cổ phiếu.

Chuyên viên phân tích

Phạm Liên Hà, CFA
Giám Đốc Cấp Cao, Ngành DV Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Lê Khánh Tùng

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

KQKD Q2 vượt kỳ vọng nhờ mảng cho vay ký quỹ và IB

- TCX đã công bố LNTT Q2/2026 đạt 2.097 tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ và tăng 43,7% so với quý trước, cao hơn 20% so với dự báo của chúng tôi. Theo đó, LNTT 6 tháng đầu năm 2026 đạt 3.556 tỷ đồng, hoàn thành 44% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi.
- Hoạt động cho vay ký quỹ vẫn tích cực với dư nợ cho vay ký quỹ tăng 52% so với cùng kỳ và thu nhập lãi tăng 66% so với cùng kỳ. Mảng tư vấn phát hành TPDN giữ vững thị phần áp đảo ở mức 48% với thu nhập tăng 33% so với cùng kỳ trong Q2/2026, trong khi thu nhập đầu tư và phân phối trái phiếu phục hồi 83% so với quý trước và tăng 7% so với cùng kỳ.
- TCX đang giao dịch với P/E dự phóng năm 2026 là 18,4 lần, cao hơn so với bình quân ngành ở mức 13,9 lần. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu dựa trên phương pháp định giá P/E tương đối là 52.900đ.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2026

TCX đã công bố LNTT Q2/2026 đạt 2.097 tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ và tăng 43,7% so với quý trước. Nhìn chung, LNTT 6 tháng đầu năm 2026 đạt 44% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi và hoàn thành 47% kế hoạch cả năm 2026 của TCX.

Chúng tôi đánh giá đây là kết quả tích cực, đặc biệt là mảng tư vấn, phân phối TPDN và cho vay ký quỹ, mặc dù môi trường hoạt động khó khăn hơn do chi phí huy động gia tăng và điều kiện thị trường vốn kém thuận lợi hơn các quý trước.

Mảng cho vay ký quỹ: Tăng trưởng mạnh nhờ dư nợ mở rộng và lợi suất cải thiện

Lãi từ cho vay ký quỹ đạt 1.380 tỷ đồng, tăng 66% so với cùng kỳ và tăng 14% so với quý trước nhờ dư nợ cho vay ký quỹ tăng 52% so với cùng kỳ và tăng 15% so với quý trước đạt 51,5 nghìn tỷ đồng và lợi suất cho vay ký quỹ tăng lên 11,6%, tăng 53 điểm cơ bản so với quý trước và tăng 111 điểm cơ bản so với cùng kỳ.

Trong khi chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng dư nợ cho vay ký quỹ toàn hệ thống sẽ đi ngang hoặc thấp trong quý, dư nợ của TCX tăng mạnh so với quý trước cho thấy sự ổn định tương đối, nhiều khả năng nhờ cơ cấu khách hàng của Công ty. Lưu ý rằng dư nợ cho vay ký quỹ Q2/2026 đã vượt dự báo cả năm 2026 hiện tại của chúng tôi.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 16/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q2/2026, TCX

Tỷ đồng	Q2/25	Q1/26	Q2/26	So với cùng kỳ	Sv quý trước	6T26	% HSCF
Lợi nhuận gộp từ HĐKD	2,441	2,351	3,250	33%	38%	5,601	46%
Môi giới	88	85	69	-22%	-19%	154	43%
Cho vay ký quỹ	829	1,211	1,380	66%	14%	2,591	48%
Ngân hàng đầu tư	627	526	837	33%	59%	1,363	60%
Đầu tư & phân phối trái phiếu	897	527	964	7%	83%	1,491	36%
Chi phí tài chính ròng	(560)	(731)	(1,013)	81%	39%	(1,744)	52%
Lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi	1,881	1,620	2,237	19%	38%	3,857	44%
Chi phí BH&QL	(148)	(161)	(140)	-5%	-13%	(301)	40%
LNTT	1,733	1,459	2,097	21%	44%	3,555	44%

Nguồn: TCX, HSC

Tỷ lệ dư nợ cho vay ký quỹ/vốn CSH tăng lên 113% từ 98% tại thời điểm cuối Q1/2026.

Mảng IB: Tư vấn trái phiếu vẫn tích cực

Thu nhập phí dịch vụ IB đạt 837 tỷ đồng, tăng 33% so với cùng kỳ và tăng 59% so với quý trước.

TCX đã hỗ trợ phát hành khoảng 61 nghìn tỷ đồng TPDN trong Q2/2026, tăng 138% so với cùng kỳ và tăng 118% so với quý trước. Trong đó, 59 nghìn tỷ đồng là phát hành ngoài ngành ngân hàng, tương đương 48% thị phần phát hành TPDN ngoài ngành ngân hàng.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Công ty đã hỗ trợ phát hành tổng cộng 87 nghìn tỷ đồng TPDN, ước tính khoảng 56% thị phần và bằng với giá trị cả năm 2025. Kết quả này cho thấy một năm 2026 tích cực của mảng tư vấn trái phiếu.

Đầu tư & phân phối trái phiếu: Phục hồi mạnh

Thu nhập đầu tư và phân phối trái phiếu đạt 964 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ và tăng 83% so với quý trước.

Sự cải thiện này chủ yếu nhờ các trái phiếu mới phát hành với lợi suất cạnh tranh phù hợp với mặt bằng lãi suất thị trường, giúp cải thiện biên phân phối. Giá trị phân phối trái phiếu tăng lên 22,5 nghìn tỷ đồng, tăng 23% so với cùng kỳ và tăng 21% so với quý trước, cũng giúp củng cố tăng trưởng thu nhập.

Mảng nghiệp vụ môi giới: Giữ vững vị thế thị trường

TCX duy trì vị thế tốt ở mảng môi giới cổ phiếu. Thị phần trên sàn HOSE tăng lên 9,36% từ 8,85% trong Q1/2026, nằm trong top 3 CTCK, trong khi thị phần trên sàn HNX đạt 9,5%, đứng thứ 2 thị trường.

Lợi nhuận nghiệp vụ môi giới đạt 69 tỷ đồng trong Q2/2026, giảm 22% so với cùng kỳ và giảm 19% so với quý trước, chủ yếu do hoạt động phân phối quỹ suy yếu trong bối cảnh lãi suất cao.

TCX tiếp tục áp dụng mô hình không thu phí giao dịch cổ phiếu đối với khách hàng cá nhân. Do đó, giá trị giao dịch bình quân ngày trên thị trường giảm xuống 25 nghìn tỷ đồng trong Q2/2026 - đi ngang so với cùng kỳ nhưng giảm 30% so với quý trước – chỉ tác động trực tiếp hạn chế đến doanh thu nghiệp vụ môi giới khách hàng cá nhân. Trong khi đó, giao dịch TPDN thứ cấp phục hồi mạnh với giá trị đạt 7,9 nghìn tỷ đồng, tăng 35% so với cùng kỳ và tăng 163% so với quý trước.

Sức ép chi phí gia tăng do chi phí huy động tăng lên

Chi phí tài chính tăng lên 1.013 tỷ đồng, tăng 81% so với cùng kỳ và tăng 39% so với quý trước, phản ánh tỷ lệ đòn bẩy và chi phí huy động gia tăng.

Tổng nợ vay, bao gồm nợ ngân hàng và TPDN, tăng lên 52,5 nghìn tỷ đồng, tăng 57% so với cùng kỳ và tăng 27% so với quý trước. Theo đó, tỷ lệ nợ/vốn CSH tăng lên 1,15 lần từ 1,11 lần trong Q2/2025 và 0,91 lần trong Q1/2026. Chi phí huy động tăng lên 8,7% từ 7,4% trong Q2/2025 và 7,9% trong Q1/2026.

Chi phí bán hàng và quản lý được kiểm soát tốt ở mức 140 tỷ đồng, giảm 5% so với cùng kỳ và giảm 13% so với quý trước. Hệ số CIR giảm xuống 10,1%, thấp hơn những quý trước. Mặc dù một phần mang tính mùa vụ, sự cải thiện này cũng phù hợp với hiệu quả tiếp tục gia tăng nhờ các sáng kiến công nghệ và AI của TCX.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu

TCX đang giao dịch với P/E dự phóng năm 2026 là 18,4 lần, cao hơn so với bình quân ngành ở mức 13,9 lần.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 52.900đ - dựa trên P/E mục tiêu bình quân năm 2026-2027 là 20 lần, cao hơn 20% so với bình quân định

giá của các CTCK trong phạm vi phân tích của chúng tôi - tương đương tiềm năng tăng giá là 24%.

Bảng 2: Các chỉ tiêu và tỷ số chính trên bảng cân đối kế toán

Tỷ đồng	Q2/25	Q1/26	Q2/26	So với cùng kỳ	So với quý trước
Dư nợ cho vay ký quỹ	33,806	44,754	51,522	52%	15%
Đầu tư	24,011	33,699	36,432	52%	8%
Tổng tài sản	65,134	88,666	100,592	54%	13%
Vốn CSH	30,063	45,466	45,782	52%	1%
Các chỉ số quan trọng					
Thị phần môi giới cổ phiếu trên HSX	7.5%	8.9%	9.4%		
Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR)	12.0%	14.8%	10.1%		
ROE (theo quý)	19.8%	10.2%	14.8%		
Tỷ lệ dư nợ cho vay ký quỹ trên vốn CSH	112.4%	98.4%	112.5%		

Nguồn: TCX, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu HĐ môi giới CK	652	1,068	1,224	1,578	2,005
Lãi cho vay ký quỹ	2,622	3,728	5,472	6,604	8,349
Doanh thu HĐ tự doanh	1,655	1,769	1,251	1,737	2,352
Phí bảo lãnh phát hành	1,338	2,629	3,001	3,842	4,209
Thu nhập dịch vụ tư vấn	1,344	2,018	2,280	2,883	3,612
Thu nhập HĐ khác	4.19	6.60	34.5	51.8	77.6
Doanh thu HĐ	7,615	11,217	13,262	16,697	20,604
Chi phí HĐ	(1,262)	(1,873)	(1,862)	(2,361)	(2,971)
Lợi nhuận HĐ	6,353	9,345	11,401	14,336	17,632
Lợi nhuận tài chính	(1,551)	(2,236)	(3,352)	(4,010)	(4,829)
Lợi nhuận khác	(0.25)	(0.42)	0	0	0
LNTT	4,802	7,109	8,049	10,326	12,803
Chi phí thuế TNDN	(952)	(1,425)	(1,610)	(2,065)	(2,561)
LNST	3,850	5,683	6,439	8,261	10,242
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	3,850	5,683	6,439	8,261	10,242

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	2,865	3,108	1,621	1,034	1,267
Phải thu	539	687	784	1,004	1,099
Phải thu dịch vụ & phải thu khác	171	56.1	43.3	43.3	43.3
Tài sản tài chính	45,820	72,762	89,564	109,348	133,348
FVTPL	17.3	38.9	38.9	38.9	38.9
HTM	2,232	3,657	4,023	4,425	4,868
Cho vay ký quỹ	25,911	43,860	50,493	65,372	83,718
AFS	17,660	25,206	35,008	39,511	44,723
Dự phòng	-	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	3,533	3,610	3,610	3,610	3,610
HTM	-	-	-	-	-
Đầu tư vào Cty LD, LK	-	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	3,533	3,610	3,610	3,610	3,610
Tài sản cố định	50.7	107	141	183	237
Tài sản khác	265	302	302	302	302
Tổng tài sản	53,244	80,632	96,065	115,524	139,907
Nợ phải trả và vốn CSH					
Vay ngắn hạn	20,523	31,080	39,808	50,595	64,234
Trái phiếu ngắn hạn	3,575	1,504	0	0	2,008
Phải trả hoạt động	156	53.1	408	490	594
Vay dài hạn	1,006	1,510	4,011	5,299	4,985
Nợ phải trả khác	1,686	2,386	2,455	3,148	3,902
Nợ phải trả	26,947	36,533	46,682	59,533	75,722
Vốn chủ sở hữu	26,297	44,100	49,383	55,991	64,185
Vốn điều lệ	19,613	23,113	23,113	23,113	23,113
Thặng dư vốn cổ phần	0	8,607	8,607	8,607	8,607
Lợi nhuận giữ lại	6,689	12,372	17,655	24,264	32,458
Quỹ & vốn khác của CSH	(4.96)	7.48	7.48	7.48	7.48
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	53,244	80,632	96,065	115,524	139,907

Chỉ số chính: Tăng trưởng và định giá	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số tăng trưởng (so với cùng kỳ)					
Tăng trưởng tổng TS (%)	21.6	51.4	19.1	20.3	21.1
Tăng trưởng cho vay (%)	55.9	69.3	15.1	29.5	28.1
Tăng trưởng TS tài chính khác (%)	327	13.9	0	0	0
Tăng/giảm nợ ngắn hạn (%)	13.6	51.4	28.1	27.1	27.0
Tăng trưởng VCSH (%)	11.3	67.7	12.0	13.4	14.6
Tăng trưởng doanh thu HĐ (%)	44.9	47.3	18.2	25.9	23.4
Tăng/giảm chi phí HĐ (%)	8.42	48.3	0.58	26.8	25.8
Tăng trưởng lợi nhuận HĐ (%)	55.2	47.1	22.0	25.7	23.0
Tăng trưởng LNTT (%)	58.6	48.0	13.2	28.3	24.0
Tăng trưởng LNST (%)	60.2	47.6	13.3	28.3	24.0
Tăng trưởng LN thuần (%)	60.2	47.6	13.3	28.3	24.0

Định giá					
P/E (lần)	26.2	18.9	18.4	14.4	11.6
P/B (lần)	3.83	2.69	2.40	2.12	1.85
Lợi suất cổ tức (%)	1.42	1.17	1.17	1.75	2.10

Chỉ số chính: Chỉ số CP và Chỉ số khác	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số CP					
EPS (đồng)	1,636	2,261	2,321	2,978	3,692
DPS (đồng)	610	500	500	750	900
BVPS (đồng)	11,173	15,900	17,803	20,185	23,139
Sig CP bình quân (triệu đv)	2,354	2,513	2,774	2,774	2,774
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	2,354	2,774	2,774	2,774	2,774
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,354	2,774	2,774	2,774	2,774

Chỉ số lợi nhuận					
ROAA (%)	7.93	8.49	7.29	7.81	8.02
ROAE (%)	15.4	16.1	13.8	15.7	17.0
Lãi suất cho vay ký quỹ BQ (%)	12.3	10.7	11.6	11.4	11.2
Chi phí vay nợ BQ (%)	7.03	7.55	8.61	8.04	7.60
Phí môi giới thuần (%)	0	0	0	0	0
Lợi suất TSTC HTM (%)	-	-	-	-	-
Lợi suất HĐ tự doanh (%)	16.5	15.0	12.5	13.4	14.0
Tỷ lệ CIR (%)	16.6	16.7	14.0	14.1	14.4
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	37.3	22.1	21.5	25.2	24.4

Thị phần					
Thị phần môi giới cổ phiếu (%)	7.15	8.00	9.09	10.1	11.0
Thị phần môi giới KH nước ngoài (%)	-	-	-	-	-
Thị phần môi giới KH cá nhân (%)	-	-	-	-	-

Tỷ lệ đòn bẩy					
Tổng nợ/vốn CSH (%)	95.5	77.3	88.7	99.8	111
Cho vay ký quỹ/vốn CSH (%)	98.5	99.5	102	117	130

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	-	-	-	-	-
Số lượng nhân viên	491	588	617	648	681

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn